TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 209/2017/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 07 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Kiều P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Kiều P thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của anh N, chị P chấm dứt kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/5/2000 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/9/2001. Hai bên thỏa thuận, chị P được nuôi cháu N, anh N được nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh N, chị P được thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được

quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà tường diện tích khoảng 58m^2, hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị P tự nguyện chịu là 150.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010079 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị P được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Y;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Quốc Tuấn